

PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

PHẠM KHÁNH TOÀN*
NGUYỄN TRẦN HẢI YẾN**
DƯƠNG THỊ TUYẾT NHUNG***

Bài viết phân tích pháp luật Việt Nam về người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử qua sàn giao dịch, mạng xã hội và hoạt động xuyên biên giới. Pháp luật đã từng bước mở rộng chủ thể nộp thuế, phân định trách nhiệm khấu trừ, khai và nộp thay; đồng thời, tăng cường quản lý dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, việc quản lý giao dịch đa kênh, liên thông dữ liệu và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài còn hạn chế. Bài viết đề xuất hoàn thiện trách nhiệm của nền tảng, cơ chế định danh, liên thông dữ liệu và phối hợp quản lý thuế xuyên biên giới.

Từ khóa: Thương mại điện tử; người nộp thuế; hoàn thiện pháp luật; hoạt động.

This article analyzes Vietnamese law on taxpayers in e-commerce conducted through e-commerce trading platforms, social networks, and cross-border activities. The law has gradually expanded the range of taxpayers, clarified responsibilities for tax withholding, declaration, and payment on behalf of taxpayers, while strengthening data-driven tax administration. However, management of multi-channel transactions, data interoperability, and foreign suppliers' fulfillment of tax obligations remain limited. The article proposes improvements to platform responsibilities, identification mechanisms, data interoperability, and coordination in cross-border tax administration.

Keywords: E-commerce; taxpayers; legal improvement.

NGÀY NHẬN: 19/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/9/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 06/10/2026

Email: toanpk23710@sdh.uel.edu.vn; Nguyentranhaiyen1620@gmail.com; tuyetnhung.6521@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.370.2026.1668>

1. Đặt vấn đề

Pháp luật về giao dịch điện tử và người nộp thuế trong thương mại điện tử ở Việt Nam cơ bản đã được xây dựng tương đối đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, trước sự phát triển nhanh của kinh tế số, việc triển khai và quản lý hoạt động thương mại điện tử vẫn phát sinh nhiều bất cập. Hệ thống pháp luật chưa theo

kip thực tiễn, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong quản lý, hướng dẫn kê khai và nộp thuế; đồng thời, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận chủ thể kinh

* NCS của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

** NCS của Học viện Cảnh sát nhân dân

*** ThS, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh

doanh còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ thất thu ngân sách (Võ Thị Hảo, 2019; Lê Thị Thùy Linh, 2018).

Khoảng trống pháp lý còn thể hiện chưa xác định rõ “tài sản số” là một loại tài sản. Bên cạnh đó, trách nhiệm kê khai, nộp thuế giữa chủ sở hữu sản và người kinh doanh chưa hoàn toàn thống nhất: sản thương mại điện tử có thể thực hiện khai, nộp thuế thay cho cá nhân kinh doanh trong và ngoài nước (Phương Anh, 2022), trong khi *Luật Thuế Thu nhập cá nhân* năm 2025 (Quốc hội, 2025a) và *Luật Quản lý thuế* năm 2025 (Quốc hội, 2025b) đặt trọng tâm vào trách nhiệm tự kê khai, khấu trừ và nộp thuế của tổ chức, cá nhân, tạo ra những điểm chưa thống nhất trong xác định người nộp thuế.

Ở Việt Nam, năm 2024, thương mại điện tử bán lẻ đạt doanh thu 25 tỷ USD, tăng khoảng 20%, đưa Việt Nam thuộc top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới. Tốc độ tăng trưởng thanh toán không dùng tiền mặt hàng năm tăng hơn 50%, dẫn đầu Đông Nam Á (Ngọc Ngân, 2025). Điều này cho thấy, những ưu điểm trong lĩnh vực thanh toán điện tử và khả năng kiểm soát các giao dịch kinh tế vẫn còn những hạn chế trong việc thực hiện nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế. Do vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về nhận diện người nộp thuế, tài sản số và phân định trách nhiệm trong thương mại điện tử.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về người nộp thuế trong thương mại điện tử.

Pháp luật Việt Nam chưa xây dựng khái niệm độc lập về “người nộp thuế trong thương mại điện tử” nhưng đã xác định các chủ thể thuộc diện nộp thuế. Khoản 1 Điều 2 *Luật Quản lý thuế* năm 2025 liệt kê tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc phát sinh thu nhập tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân

nước ngoài kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số và chủ thể thực hiện khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ.

Điểm chưa đầy đủ của quy định không phải là không xác định được chủ thể nào thuộc diện nộp thuế mà là *Luật* mới liệt kê các nhóm chủ thể, chưa hình thành một khái niệm phản ánh đầy đủ những dấu hiệu đặc thù, như: hoạt động không cần hiện diện vật lý, giao dịch xuyên biên giới, kinh doanh qua nhiều nền tảng và sự tham gia của chủ thể khấu trừ, nộp thuế thay. Vì vậy, cần phân biệt giữa việc “chưa có khái niệm độc lập” với việc “chưa xác định được người nộp thuế trong thương mại điện tử”.

Khoản 1 Điều 3 *Luật Thương mại điện tử* năm 2025 quy định hoạt động thương mại điện tử là “hoạt động thương mại được tiến hành một phần hoặc toàn bộ trên môi trường điện tử” (Quốc hội, 2025c). Đây là khái niệm pháp lý xác định phương thức thực hiện hoạt động thương mại, không xuất phát từ “lý do tương tự” với khái niệm thương mại điện tử. Do vậy, có thể hiểu, người nộp thuế trong thương mại điện tử là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài phát sinh nghĩa vụ thuế từ hoạt động thương mại được thực hiện một phần hoặc toàn bộ trên môi trường điện tử; đồng thời, bao gồm chủ thể có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay theo quy định pháp luật.

Người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử có bốn đặc điểm. *Thứ nhất*, hoạt động kinh doanh được thực hiện trên môi trường số và không nhất thiết phụ thuộc vào hiện diện vật lý, nên chủ thể có thể là tổ chức, cá nhân cư trú hoặc không cư trú. *Thứ hai*, dữ liệu giao dịch được phân tán giữa nền tảng, ngân hàng, tổ chức thanh toán và đơn vị vận chuyển, gây khó khăn cho việc xác định đầy đủ doanh thu. *Thứ ba*, đối với thuế gián thu, đặc biệt là thuế giá trị gia tăng, giao dịch xuyên biên giới được xác định theo nguyên

tắc điểm đến, theo đó, quyền đánh thuế thuộc về quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng. Nguyên tắc này không được áp dụng hoàn toàn đối với thuế trực thu vì quyền đánh thuế thu nhập còn phụ thuộc vào nơi cư trú, nguồn phát sinh thu nhập và điều ước quốc tế về thuế. *Thứ tư*, tính xuyên biên giới và khả năng ẩn danh trên môi trường số làm hạn chế việc kiểm tra, xác minh doanh thu và cưỡng chế nghĩa vụ thuế đối với chủ thể không hiện diện tại Việt Nam, dù pháp luật đã thiết lập cơ chế đăng ký, kê khai và nộp thuế điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài.

2.2. Phân loại người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử

Căn cứ vào nơi cư trú, nguồn phát sinh thu nhập và vai trò trong thực hiện nghĩa vụ thuế, các chủ thể trong thương mại điện tử có thể được phân thành ba nhóm.

Thứ nhất, người nộp thuế trong nước, gồm: doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh qua website, ứng dụng, mạng xã hội hoặc sàn thương mại điện tử. Đặc điểm chung của nhóm này là có nơi cư trú, trụ sở hoặc hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và phát sinh doanh thu thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của pháp luật thuế Việt Nam. Tùy tư cách pháp lý, các chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc thuế thu nhập cá nhân; số thuế của hộ, cá nhân kinh doanh có thể được chủ quản nền tảng khấu trừ, khai và nộp thay.

Thứ hai, người nộp thuế nước ngoài, gồm: tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh trên nền tảng số hoặc phát sinh doanh thu tại Việt Nam. Đặc điểm của nhóm này là không nhất thiết có trụ sở, cơ sở thường trú hoặc hiện diện vật lý tại Việt Nam nhưng vẫn phải trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện nghĩa vụ thuế. Nghĩa vụ của họ được xác định theo từng sắc thuế và phương thức

kinh doanh, không nên đồng nhất hoàn toàn với cơ chế thuế nhà thầu.

Thứ ba, doanh nghiệp hoặc tổ chức sở hữu, quản lý và vận hành nền tảng có tư cách kép. Đối với phí dịch vụ, hoa hồng, quảng cáo và doanh thu, doanh nghiệp quản lý nền tảng là thương mại điện tử. Đối với doanh thu của người bán, doanh nghiệp chỉ thực hiện khấu trừ, khai và nộp thay trong trường hợp luật định, không thay thế tư cách người nộp thuế của người bán. Vì vậy, sàn thương mại điện tử với tư cách môi trường kỹ thuật không phải là thương mại điện tử; chủ thể có quyền và nghĩa vụ pháp lý là doanh nghiệp hoặc tổ chức sở hữu, quản lý và vận hành sàn.

3. Thực trạng người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử

Luật Quản lý thuế năm 2025, Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 (Chính phủ, 2026) và Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính đã hình thành khuôn khổ pháp lý mới về quản lý người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử (Bộ Tài chính, 2026). Khoản 1 Điều 2 *Luật Quản lý thuế* năm 2025 xác định thương mại điện tử, bao gồm: tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam, có thu nhập phát sinh tại Việt Nam hoặc kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số; và tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ. Trên cơ sở đó, thực trạng pháp luật được xem xét theo ba nhóm người nộp thuế sau:

Một là, người nộp thuế trong mô hình sàn giao dịch thương mại điện tử.

Về thực trạng pháp luật, người nộp thuế trong mô hình sàn giao dịch thương mại điện tử là doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc nhà cung cấp nước ngoài phát sinh doanh thu từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên sàn theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 *Luật Quản lý thuế* năm 2025. Chủ quản sàn không thay thế tư cách

người nộp thuế của người bán; chủ quản sàn chỉ nộp thuế đối với doanh thu của mình và thực hiện khấu trừ, khai thay, nộp thay trong các trường hợp luật định.

Đối với hộ, cá nhân kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế phát sinh khi doanh thu năm vượt ngưỡng không chịu thuế. Theo Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ quy định, mức doanh thu năm từ 1 tỷ đồng trở xuống thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân (Chính phủ, 2026). Như vậy, việc mở gian hàng trên sàn chưa làm phát sinh ngay số thuế phải nộp; nghĩa vụ thuế còn phụ thuộc vào tổng doanh thu và tính chất của hàng hóa, dịch vụ.

Điểm a khoản 4 Điều 13 *Luật Quản lý thuế* năm 2025 quy định chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác (trong nước hoặc nước ngoài) có trách nhiệm khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP cụ thể hóa trách nhiệm khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử. Điều 44 xác định thời điểm khấu trừ là khi nền tảng xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán; Điều 45 quy định việc kê khai theo tháng và bù trừ đối với giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng; Điều 46 quy định trách nhiệm lưu giữ dữ liệu, cung cấp thông tin và hoàn trả số thuế đã khấu trừ không phù hợp. Nghị định số 252/2026/NĐ-CP tiếp tục mở rộng cơ chế đối với nhà cung cấp nước ngoài, bổ sung cơ chế tránh khấu trừ trùng và xử lý giao dịch bị hủy.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc như tiêu chí “có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán” tại khoản 4 Điều 13 *Luật Quản lý thuế* năm 2025 chưa bao quát đầy đủ giao dịch được đặt hàng trên sàn nhưng thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp hoặc tiền mặt. Một người còn có thể kinh doanh trên nhiều nền

tảng nên dữ liệu của từng sàn không phản ánh đầy đủ tổng doanh thu. Bên cạnh đó, việc áp dụng tỷ lệ thuế cao nhất khi không xác định được loại giao dịch theo điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP có thể dẫn đến khấu trừ cao hơn nghĩa vụ thực tế và làm phát sinh thủ tục điều chỉnh, hoàn thuế.

Hai là, người nộp thuế trong mô hình kinh doanh qua mạng xã hội.

Thực trạng pháp luật về người nộp thuế trong mô hình này là doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc cá nhân sử dụng tài khoản, trang cá nhân, nhóm cộng đồng hay kênh livestream để bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Tư cách người nộp thuế được xác định theo điểm a khoản 1 Điều 2 *Luật Quản lý thuế* năm 2025, không phụ thuộc vào việc chủ thể có cửa hàng hoặc website riêng. Đối với hộ, cá nhân kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân phát sinh khi doanh thu năm vượt 1 tỷ đồng theo Nghị định số 141/2026/NĐ-CP.

Phương thức thực hiện nghĩa vụ phụ thuộc vào chức năng thực tế của mạng xã hội. Nếu nền tảng có đồng thời chức năng đặt hàng và thanh toán, chủ quản nền tảng thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay theo điểm a khoản 4 Điều 13 *Luật Quản lý thuế* năm 2025 và Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP. Nếu nền tảng chỉ được sử dụng để quảng cáo, livestream hoặc trao đổi thông tin, còn việc đặt hàng, thanh toán được thực hiện bên ngoài thì hộ, cá nhân phải trực tiếp khai, tính và nộp thuế theo điểm b khoản 4 Điều 13 *Luật Quản lý thuế*.

Người kinh doanh có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai đầy đủ doanh thu, lập hóa đơn, lưu giữ chứng từ và cung cấp thông tin phục vụ xác định nghĩa vụ thuế. Đồng thời, có quyền được hướng dẫn, tra cứu số thuế, yêu cầu điều chỉnh dữ liệu, giải trình, khiếu nại và yêu cầu xác nhận hoàn thành nghĩa vụ theo Điều 37 *Luật Quản lý thuế* năm 2025.

Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 13 vẫn chưa giải quyết triệt để trường hợp giao dịch được thực hiện qua nhiều kênh: quảng cáo trên mạng xã hội, đặt hàng bằng tin nhắn, thanh toán bằng chuyển khoản và giao hàng qua đơn vị vận chuyển. Không chủ thể trung gian nào nắm giữ đầy đủ dữ liệu giao dịch để thực hiện khấu trừ hoặc đối chiếu doanh thu. Việc sử dụng nhiều tài khoản mạng xã hội, tài khoản ngân hàng và phương thức thu hộ còn làm dữ liệu bị phân tán. Vì vậy, cơ chế tự khai đối với nền tảng không có chức năng đặt hàng và thanh toán vẫn tiềm ẩn nguy cơ bỏ sót thương mại điện tử và doanh thu chịu thuế.

Ba là, người nộp thuế trong mô hình cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.

Người nộp thuế trong mô hình này là tổ chức nước ngoài hoặc cá nhân không cư trú, không có hiện diện vật lý tại Việt Nam nhưng cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và phát sinh doanh thu tại Việt Nam. Tư cách người nộp thuế được xác định theo các điểm b và c khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 12 *Lược luật Quản lý thuế* năm 2025.

Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP quy định tổ chức nước ngoài có doanh thu tính thuế tại Việt Nam phải đăng ký giao dịch thuế điện tử và đăng ký thuế thông qua Hệ thống thông tin quản lý thuế. Nhà cung cấp hoạt động thường xuyên kê khai theo tháng; trường hợp kinh doanh không thường xuyên kê khai theo từng lần phát sinh. Nếu toàn bộ doanh thu đã được tổ chức tại Việt Nam hoặc chủ quản nền tảng khấu trừ, nộp thay thì nhà cung cấp nước ngoài không phải đăng ký trực tiếp. Giao dịch phát sinh tại Việt Nam được xác định trên cơ sở ít nhất hai thông tin không mâu thuẫn, gồm: thông tin thanh toán và thông tin về nơi cư trú hoặc truy cập của người mua. Điều 41 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP cho phép nhà cung cấp nước ngoài ủy quyền cho tổ chức hoặc đại lý thuế tại Việt Nam; Điều 42 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP điều chỉnh việc trực tiếp

khai và nộp thuế của cá nhân không cư trú kinh doanh trên nền tảng không có chức năng đặt hàng và thanh toán.

Khoản 1 Điều 31 Thông tư số 89/2026/TT-BTC quy định nhà cung cấp nước ngoài được kê khai trực tiếp hoặc thông qua đơn vị được ủy quyền; hồ sơ thực hiện theo điểm 16 Phụ lục I. Khoản 2 Điều 31 quy định trách nhiệm của bên được ủy quyền; khoản 3 Điều 31 quy định hồ sơ đối với cá nhân không cư trú. Điều 32 quy định hồ sơ khai và nộp thay của tổ chức kinh doanh tại Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài hoặc cá nhân không cư trú.

Tuy nhiên, việc quản lý chủ thể không hiện diện tại Việt Nam vẫn gặp khó khăn về xác minh doanh thu và cưỡng chế nghĩa vụ thuế. Tiêu chí hai thông tin không mâu thuẫn tại Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP phụ thuộc vào dữ liệu do nhà cung cấp hoặc trung gian thanh toán thu thập, trong khi địa chỉ IP, địa chỉ thanh toán và vị trí truy cập có thể không phản ánh chính xác nơi tiêu dùng. Vì vậy, hiệu quả thực thi còn phụ thuộc vào hợp tác quốc tế, trao đổi dữ liệu và sự phối hợp của các tổ chức thanh toán.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của chủ quản nền tảng.

Khoản 4 Điều 13 *Lược luật Quản lý thuế* năm 2025 phân định phương thức thực hiện nghĩa vụ thuế dựa trên việc nền tảng có hay không có đồng thời chức năng đặt hàng và thanh toán. Tiêu chí này chưa bao quát giao dịch được quảng cáo trên mạng xã hội, đặt qua tin nhắn, thanh toán bằng chuyển khoản và giao qua đơn vị vận chuyển. Vì vậy, trách nhiệm của chủ quản nền tảng cần được xác định theo mức độ kiểm soát thực tế đối với giao dịch. Nền tảng phải khấu trừ, khai thay và nộp thay khi kiểm soát việc xác

nhận đơn hàng, thu hộ, giữ tiền, phân chia doanh thu hoặc thanh toán cho người bán. Nếu nhiều chủ thể trung gian cùng tham gia, chủ thể trực tiếp kiểm soát việc thanh toán cho người bán chịu trách nhiệm khấu trừ; các chủ thể còn lại cung cấp và đối chiếu dữ liệu. Cơ chế thông báo để tránh khấu trừ trùng tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP cần được áp dụng thống nhất cho giao dịch đa nền tảng. Pháp luật cũng cần phân biệt rõ chủ quản nền tảng là người nộp thuế đối với doanh thu, nhưng chỉ là chủ thể khấu trừ, khai thay, nộp thay và cung cấp dữ liệu đối với doanh thu của người bán. Việc nền tảng nộp thay không làm thay đổi tư cách người nộp thuế của chủ thể trực tiếp phát sinh thu nhập. Đối với trường hợp không xác định được giao dịch là hàng hóa hay dịch vụ, tỷ lệ thuế cao nhất theo điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP chỉ nên áp dụng sau khi người bán không bổ sung hoặc điều chỉnh thông tin. Người bán phải được thông báo căn cứ khấu trừ, được cung cấp tài liệu và yêu cầu điều chỉnh. Giao dịch bị hủy, hoàn trả hoặc phân loại sai cần được bù trừ tự động để hạn chế thủ tục hoàn thuế.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế định danh, chia sẻ dữ liệu và bảo vệ người nộp thuế.

Tình trạng một chủ thể kinh doanh trên nhiều sàn, mạng xã hội và tài khoản thanh toán làm dữ liệu doanh thu bị phân tán, trong khi việc thu thập từ nhiều nguồn có thể dẫn đến tính trùng giao dịch. Để khắc phục, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân cần được sử dụng thống nhất khi đăng ký gian hàng, tài khoản kinh doanh, tài khoản nhận thanh toán và dịch vụ thu hộ. Chủ quản nền tảng phải xác thực thông tin người bán; việc xử lý dữ liệu chỉ được thực hiện trong phạm vi cần thiết cho quản lý thuế và phải bảo đảm quyền riêng tư. Pháp luật cần xác định rõ hoạt động kinh doanh trên mạng xã hội, bao gồm: bán hàng trực tuyến, livestream, quảng cáo có thu nhập, tiếp thị liên kết, sáng tạo nội

dung và cung cấp sản phẩm, dịch vụ số. Quy định này giúp phân biệt tài khoản kinh doanh với tài khoản cá nhân và xác định chủ thể phải đăng ký, kê khai thuế.

Cơ quan thuế, nền tảng, ngân hàng, tổ chức thanh toán và đơn vị vận chuyển cần áp dụng chuẩn dữ liệu chung về thông tin định danh, mã giao dịch, doanh thu, số thuế đã khấu trừ và giao dịch bị hủy. Cơ quan thuế phải tổng hợp doanh thu của một người trên các nền tảng nhưng loại trừ dữ liệu trùng lặp, qua đó, xác định đúng ngưỡng doanh thu không phải nộp thuế theo Nghị định số 141/2026/NĐ-CP. Chia sẻ dữ liệu phải gắn với quyền của người nộp thuế theo Điều 37 *Luật Quản lý thuế* năm 2025. Người bán cần được tra cứu doanh thu, số thuế đã khấu trừ theo từng nền tảng và yêu cầu điều chỉnh đối với giao dịch bị tính trùng, bị hủy hoặc không thuộc về mình.

Thứ ba, hoàn thiện quy định đối với người nộp thuế xuyên biên giới.

Luật Quản lý thuế năm 2025 đã xác định tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh trên nền tảng điện tử là người nộp thuế; Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP sử dụng thông tin thanh toán, cư trú và truy cập để xác định giao dịch phát sinh tại Việt Nam. Do đó, giải pháp cần làm rõ mối liên hệ chịu thuế với thị trường Việt Nam, thay vì tiếp tục đề xuất bổ sung nhà cung cấp nước ngoài vào phạm vi người nộp thuế.

Luật Quản lý thuế năm 2025 cần bổ sung tiêu chí “hiện diện kinh tế đáng kể”, được xác định dựa trên doanh thu tại Việt Nam, số lượng giao dịch và người sử dụng, phương thức thanh toán trong nước, việc sử dụng tiếng Việt, tên miền “.vn” hoặc quảng cáo hướng đến người tiêu dùng Việt Nam. Ấn lệ Supreme Court of the United States cho thấy, nghĩa vụ thuế có thể được xác lập dựa trên mối liên hệ kinh tế với thị trường, nhưng chỉ có giá trị tham khảo, không được áp dụng trực tiếp tại Việt Nam (South & cộng sự, 2018).

Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP cần quy định thứ tự ưu tiên của các dữ liệu xác định giao dịch tại Việt Nam. Thông tin thanh toán và địa chỉ cư trú đã được xác thực nên có giá trị cao hơn địa chỉ IP; khi thông tin mâu thuẫn, nhà cung cấp phải được bổ sung chứng cứ về nơi tiêu dùng thực tế.

Nhà cung cấp nước ngoài trước hết thực hiện đăng ký, kê khai trực tiếp hoặc ủy quyền theo Điều 40, Điều 41 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 31 Thông tư số 89/2026/TT-BTC. Trường hợp không tuân thủ, chủ quản nền tảng hoặc tổ chức kiểm soát thanh toán thực hiện khấu trừ theo Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP. Đồng thời, cần tăng cường trao đổi dữ liệu và hợp tác với cơ quan thuế nước ngoài, bảo đảm phù hợp với điều ước quốc tế và hạn chế đánh thuế trùng theo định hướng của OECD (2015).

5. Kết luận

Người nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử gồm tổ chức, cá nhân kinh doanh trực tuyến trong nước, nhà cung cấp nước ngoài và các chủ thể trung gian với phương thức thực hiện nghĩa vụ thuế khác nhau. Luật Quản lý thuế năm 2025, Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Thông tư số 89/2026/TT-BTC đã bước đầu hoàn thiện cơ chế khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay. Tuy nhiên, khoảng trống pháp lý vẫn tồn tại đối với nhà cung cấp không cư trú và giao dịch qua mạng xã hội. Các giải pháp được đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm công bằng, minh bạch và hỗ trợ sự phát triển bền vững của thương mại điện tử tại Việt Nam □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2026). *Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế*.
 Chính phủ (2026). *Nghị định số 68/2026/NĐ-CP*

ngày 05/3/2026 quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Chính phủ (2026). *Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*.

- Chính phủ (2026). *Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế*.

- Lê Thị Thùy Linh (2018). Quản lý thuế đối với thương mại điện tử tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*. <https://tapchikinhthetaitaichinh.vn/quan-ly-thue-doi-voi-thuong-mai-dien-tu-tai-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap.html>

- Ngọc Ngân (30/4/2025). Công nghệ số, thương mại điện tử dẫn dắt kinh tế. *Báo Công thương*. <https://kinhte.congthuong.vn/cong-nghe-so-thuong-mai-dien-tu-dan-dat-kinh-te-380699.html>

- OECD (2015). *Addressing the tax challenges of the digital economy, Action 1-2015 final report*. <https://doi.org/10.1787/9789264241046-en>

- Phương Anh (17/02/2022). Trách nhiệm khai, nộp thuế của chủ sàn giao dịch thương mại điện tử. *Tạp chí Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/quy-dinh-trach-nhiem-khai-nop-thue-cua-chu-san-giao-dich-thuong-mai-dien-tu1645118214-a115479.html>

- Quốc hội (2025a). *Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025*.

- Quốc hội (2025b). *Luật Quản lý thuế năm 2025*.

- Quốc hội (2025c). *Luật Thương mại điện tử năm 2025*.

- South Dakota v. Wayfair, Inc., 585 U.S. 162 (2018). *Supreme Court of the United States*. https://www.supremecourt.gov/opinions/17pdf/17-494_j4el.pdf

- Võ Thị Hảo (2019). Quản lý thuế thương mại điện tử: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Tài chính*, số 4/2019.